

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN NGÀY 30/06/2021**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 – 27

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5

Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,  
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Kinh Kha	Chủ tịch
	Ông Phạm Văn Từ	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Đình Dũng	Thành viên
	Ông Trần Đạt Thịnh	Thành viên
	Ông Phạm Quốc Tuấn	Thành viên
<b>Ban Kiểm toán nội bộ</b>	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 18/03/2021)
	Bà Phạm Thị Thùy Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18/03/2021)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Vũ Văn Hùng	Trưởng ban
	Bà Lê Thụy Thanh Quyên	Thành viên
	Bà Vũ Thị Hằng	Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Phạm Văn Từ	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Đức Hanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đặng Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hoài Thanh	Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5**

Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,  
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



---

**Phạm Văn Từ**

**Tổng Giám đốc**

Ngày 04 tháng 08 năm 2021



Số: 192/DFK-HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông,**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, được lập ngày 04 tháng 08 năm 2021, từ trang 04 đến trang 27 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Phó Tổng Giám đốc**

*Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán*  
*số 0985-2018-042-1*

**Thay mặt và đại diện cho:**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM**

*Ngày 04 tháng 08 năm 2021*

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mẫu B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.044.227.763.093</b>	<b>2.054.848.781.338</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>183.489.826.850</b>	<b>343.303.922.506</b>
1. Tiền	111		114.175.466.903	230.004.888.919
2. Các khoản tương đương tiền	112		69.314.359.947	113.299.033.587
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>13.018.155.110</b>	<b>13.018.155.110</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		13.018.155.110	13.018.155.110
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.114.476.181.115</b>	<b>1.253.761.593.558</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	514.859.654.167	676.362.578.886
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	314.776.033.936	329.236.666.293
3. Các khoản phải thu khác	136	8	284.840.493.012	248.162.348.379
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>692.901.611.689</b>	<b>436.522.246.089</b>
1. Hàng tồn kho	141		692.901.611.689	436.522.246.089
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>40.341.988.329</b>	<b>8.242.864.075</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.650.586.879	326.429.588
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.045.473.835	-
3. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		3.645.927.615	7.916.434.487
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>113.078.107.399</b>	<b>115.849.170.978</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>65.128.894.432</b>	<b>66.144.423.281</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	65.128.894.432	66.144.423.281
Nguyên giá	222		109.472.144.554	108.362.144.554
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.343.250.122)	(42.217.721.273)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
Nguyên giá	228		863.931.250	863.931.250
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(863.931.250)	(863.931.250)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>43.000.000.000</b>	<b>43.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm đến ngày đáo hạn	255	12	43.000.000.000	43.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.949.212.967</b>	<b>6.704.747.697</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.949.212.967	6.704.747.697
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.157.305.870.492</b>	<b>2.170.697.952.316</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Mẫu B 01a-DN**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.790.071.795.682</b>	<b>1.820.923.049.305</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.748.709.888.331</b>	<b>1.778.903.752.597</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	326.782.893.839	379.111.280.479
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	974.344.138.583	851.195.643.869
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		31.987.200	31.987.200
4. Phải trả công nhân viên	314		466.803.851	694.424.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	330.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	38.903.229.146	28.158.604.441
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	404.837.619.739	513.718.456.035
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		3.343.215.973	5.663.355.973
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>41.361.907.351</b>	<b>42.019.296.708</b>
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		136.500.000	136.500.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	17	26.401.356.393	26.518.956.393
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	14.824.050.958	15.363.840.315
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>367.234.074.810</b>	<b>349.774.903.011</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	19	<b>367.234.074.810</b>	<b>349.774.903.011</b>
1. Vốn điều lệ	411		149.845.500.000	149.845.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	411a		149.845.500.000	149.845.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.950.000.000	20.950.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.510.000)	(10.510.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		73.657.688.034	73.657.688.034
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		122.791.396.776	105.332.224.977
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		113.184.568.427	70.072.802.338
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.606.828.349	35.259.422.639
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.157.305.870.492</b>	<b>2.170.697.952.316</b>



**Tô Thị Tuyết Mai**  
Người lập  
Ngày 04 tháng 08 năm 2021



**Phan Chí Hiếu**  
Kế toán trưởng



**Phạm Văn Từ**  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**MẪU B 02a-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng	01		904.295.470.229	800.741.560.851
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng	10	20	904.295.470.229	800.741.560.851
4. Giá vốn hàng bán	11	21	860.377.907.540	762.629.643.268
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>43.917.562.689</b>	<b>38.111.917.583</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.819.658.541	3.108.796.032
7. Chi phí tài chính	22	23	15.724.817.149	18.460.526.628
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>			<i>15.724.817.149</i>	<i>18.460.526.628</i>
8. Chi phí bán hàng	24		831.761.001	428.147.407
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.370.228.722	9.426.112.890
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>21.810.414.358</b>	<b>12.905.926.690</b>
11. Thu nhập khác	31		498.439	-
12. Chi phí khác	32		86.494.121	148.900
13. Lợi nhuận khác	40		(85.995.682)	(148.900)
<b>14. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>21.724.418.676</b>	<b>12.905.777.790</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	4.265.246.877	2.520.247.758
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>17.459.171.799</b>	<b>10.385.530.032</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>25</b>	<b>1.165</b>	<b>658</b>

**Tô Thị Tuyết Mai**  
Người lập  
Ngày 04 tháng 08 năm 2021

**Phan Chí Hiếu**  
Kế toán trưởng



**Phạm Văn Từ**  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**MẪU B 03a-DN**

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lãi trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>21.724.418.676</b>	<b>12.905.777.790</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.125.528.849	2.153.308.550
Các khoản dự phòng	03	(539.789.357)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.768.672.965)	(2.940.584.818)
Chi phí lãi vay	06	15.724.817.149	18.410.712.198
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>36.266.302.352</b>	<b>30.529.213.720</b>
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	155.549.742.198	(143.262.548.529)
Tăng hàng tồn kho	10	(252.330.766.892)	(71.330.367.717)
Tăng các khoản phải trả	11	35.320.171.046	334.546.732.369
Tăng chi phí trả trước	12	(2.568.622.561)	(353.397.029)
Tiền lãi vay đã trả	14	(20.266.327.072)	(19.090.999.948)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.242.291.396)	(7.351.422.488)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.320.140.000)	(2.782.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(52.591.932.325)</b>	<b>120.905.010.378</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(1.110.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	3.979.044.694
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	2.768.672.965	2.940.584.818
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.658.672.965</b>	<b>6.919.629.512</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	661.217.053.930	987.995.642.153
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(770.097.890.226)	(997.860.670.813)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(108.880.836.296)</b>	<b>(9.865.028.660)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(159.814.095.656)</b>	<b>117.959.611.230</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>343.303.922.506</b>	<b>346.058.357.323</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>183.489.826.850</b>	<b>464.017.968.553</b>



**Tô Thị Tuyết Mai**  
Người lập  
Ngày 04 tháng 08 năm 2021



**Phan Chí Hiếu**  
Kế toán trưởng



**Phạm Văn Từ**  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5**Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,  
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 4103002004, đăng ký lần đầu ngày 24/12/2003 và đăng ký sửa đổi lần thứ mười sáu (16) ngày 30/11/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đặt tại số 137 Lê Quang Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh.

Chi tiết các đơn vị trực thuộc tại ngày 30/06/2021 như sau:

STT	Tên công ty con	Hoạt động chính
1	Xí nghiệp Xây dựng Số 1	Xây dựng công trình
2	Xí nghiệp Xây dựng Số 2	Xây dựng công trình
3	Xí nghiệp Xây dựng Số 3	Xây dựng công trình
4	Xí nghiệp Xây dựng Số 4	Xây dựng công trình
5	Xí nghiệp Xây dựng Số 5	Xây dựng công trình
6	Xí nghiệp Xây dựng Số 6	Xây dựng công trình
7	Xí nghiệp Xây dựng số 7	Xây dựng công trình
8	Xí nghiệp Xây dựng Số 9	Xây dựng công trình
9	Xí nghiệp Xây dựng số 10	Xây dựng công trình
10	Xí nghiệp Xây dựng số 15	Xây dựng công trình
11	Xí nghiệp Xây dựng và Quản lý Dịch vụ	Xây dựng công trình
12	Xí nghiệp Cơ giới và Thiết bị	Xây dựng công trình
13	Xí nghiệp Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	Xây dựng công trình
14	Xí nghiệp Đầu tư Xây dựng	Xây dựng công trình
15	Xí nghiệp Kinh doanh Vật tư – Thương mại và Dịch vụ	Kinh doanh vật tư xây dựng

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, trang trí nội thất, mộc xây dựng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2021 là 65 người.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ HOẠT ĐỘNG****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Kỳ hoạt động**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ hoạt động 06 tháng của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 hàng năm.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư khác

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo chứng từ phát sinh.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

- Phần mềm, website và tài sản vô hình khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 30
Máy móc, thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 13 năm.

**Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ hoạt động và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán tại thời điểm lập báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hoạt động và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ hoạt động sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác: gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ hoạt động về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác****Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
  - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5**Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,  
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	59.380.410.215	21.587.209.377
Tiền gửi ngân hàng	54.795.056.688	208.417.679.542
Các khoản tương đương tiền	69.314.359.947	113.299.033.587
	<b><u>183.489.826.850</u></b>	<b><u>343.303.922.506</u></b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ban quản lý đầu tư - xây dựng công trình Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TP . HCM	15.357.853.000	15.054.702.905
Ban quản lý dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên	-	31.869.322.998
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Nam	9.685.957.273	14.633.217.192
Ban quản lý dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên TP . Đà Nẵng	15.274.161.900	13.255.070.945
Công ty CP Nước Môi trường Bình Dương	37.650.762.696	52.968.182.669
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại - Sản xuất - Xây dựng Đông Mê Kông	59.623.565.200	59.623.565.200
Công ty TNHH TM DV Xây dựng Mã Thượng	-	22.954.118.616
Công ty CP Huỳnh Gia Huy	52.549.592.824	28.306.849.114
Công ty CP Cấp thoát nước Lạng Sơn	12.122.120.332	18.122.120.332
Công ty CP HD Huy Hoàng	-	27.771.099.578
Công ty TNHH Đầu tư - Tư vấn - Xây dựng Thép Mới	122.938.203.410	105.838.640.467
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Minh Quốc	26.915.105.469	29.643.880.647
Công ty TNHH TM Xây dựng Quang Đức	-	66.593.020.881
Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn	34.911.996.156	10.610.407.823
Công ty TNHH Kim Đại Dương	12.310.283.365	-
Phải thu của các khách hàng khác	115.520.052.542	179.118.379.519
	<b><u>514.859.654.167</u></b>	<b><u>676.362.578.886</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5**Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,  
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự Phòng VND	Giá gốc VND	Dự Phòng VND
<b>Cổ phiếu OTC, bao gồm</b>				
Công ty CP Vàng bạc đá quý Phương Nam (NJC)	1.081.650.000	-	1.081.650.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB)	729.500.000	-	729.500.000	-
Công ty CP Xây dựng Số 14 (CC14)	5.137.544.110	-	5.137.544.110	-
Công ty CP Thủy điện Dakr'tih	6.069.461.000	-	6.069.461.000	-
	<b>13.018.155.110</b>	<b>-</b>	<b>13.018.155.110</b>	<b>-</b>

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cổ phiếu OTC để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cổ phiếu OTC.

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Phát triển Bạch Đằng Đà Nẵng	17.144.054.578	20.055.276.732
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng DACINCO	85.852.100.700	106.259.547.216
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Thanh Trọng Hiếu	94.201.675.676	89.617.942.126
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Bảo Lâm Phương	1.213.662.991	19.302.457.321
Công ty TNHH TM - KT - CN - Minh Tâm	20.245.229.017	-
Công ty CP VIWASEEN3	36.685.076.194	36.819.103.223
Công ty CP HD Huy Hoàng	7.448.429.299	11.017.425.700
Khác	51.985.805.481	46.164.913.975
	<b>314.776.033.936</b>	<b>329.236.666.293</b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tạm ứng (*)	240.161.258.410	200.151.984.017
Đặt cọc ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	448.497.244
Công ty TNHH Đầu tư Sato (**)	34.031.011.935	34.031.011.935
Phải thu khác	10.648.222.667	13.530.855.183
	<b>284.840.493.012</b>	<b>248.162.348.379</b>

(\*) Các khoản tạm ứng cho các đội trưởng thi công công trình chưa được quyết toán chi phí.

(\*\*) Đây là số tiền Công ty TNHH Đầu tư Sato còn nghĩa vụ phải góp để hoàn thành dự án "Chinh trang đô thị khu vực đầu cầu Thủ Thiêm, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh".

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5**Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,  
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nguyên vật liệu	700.709.675	-
Công cụ dụng cụ	4.416.818	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	692.196.485.196	436.522.246.089
	<b>692.901.611.689</b>	<b>436.522.246.089</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<b>692.901.611.689</b>	<b>436.522.246.089</b>

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2021	102.143.251.284	4.846.257.990	1.105.349.133	267.286.147	108.362.144.554
Tăng trong kỳ	-	1.110.000.000	-	-	1.110.000.000
Tại ngày 30/06/2021	<b>102.143.251.284</b>	<b>5.956.257.990</b>	<b>1.105.349.133</b>	<b>267.286.147</b>	<b>109.472.144.554</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2021	(36.251.494.674)	(4.626.591.321)	(1.105.349.133)	(234.286.145)	(42.217.721.273)
Khấu hao trong kỳ	(1.786.210.662)	(312.166.668)	-	(27.151.519)	(2.125.528.849)
Tại ngày 30/06/2021	<b>(38.037.705.336)</b>	<b>(4.938.757.989)</b>	<b>(1.105.349.133)</b>	<b>(261.437.664)</b>	<b>(44.343.250.122)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2021	<b>65.891.756.610</b>	<b>219.666.669</b>	-	<b>33.000.002</b>	<b>66.144.423.281</b>
Tại ngày 30/06/2021	<b>64.105.545.948</b>	<b>1.017.500.001</b>	-	<b>5.848.483</b>	<b>65.128.894.432</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là 3.157.803.679 VND (tại ngày 31/12/2020 là 3.095.985.497 VND).

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2021	863.931.250
Tại ngày 30/06/2021	<b>863.931.250</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2021	(863.931.250)
Khấu hao trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2021	<b>(863.931.250)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2021	-
Tại ngày 30/06/2021	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5**Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,  
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**MÀU B 09a-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự Phòng VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3	43.000.000.000	43.000.000.000	43.000.000.000	-
	<b>43.000.000.000</b>	<b>43.000.000.000</b>	<b>43.000.000.000</b>	

Trái phiếu Công ty đang nắm giữ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3 bao gồm:

+ 300 trái phiếu có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào năm 2027, mệnh giá một trái phiếu là 10.000.000 VND. Lãi suất bằng lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh định kỳ) và được xác định bằng Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm. Tiền lãi trái phiếu được trả sau, định kỳ một năm một lần vào ngày thanh toán lãi là mỗi ngày tròn năm kể từ ngày phát hành và ngày trả lãi đầu tiên là ngày tròn năm kể từ ngày phát hành trong năm 2018, riêng tiền lãi cho kỳ thanh toán lãi thứ 10 của trái phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc trái phiếu vào ngày đáo hạn. Trừ khi được mua lại trước hạn theo các quy định của các điều khoản và điều kiện của trái phiếu, các trái phiếu sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá của trái phiếu vào ngày đáo hạn.

+ 2000 trái phiếu có kỳ hạn 07 năm, đáo hạn vào năm 2026, mệnh giá một trái phiếu là 10.000.000 đồng. Lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 1%/năm. Tiền lãi trái phiếu 2026 được trả sau, định kỳ một năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu 2026 phù hợp với bản cáo bạch chào bán trái phiếu: là mỗi ngày tròn năm kể từ ngày phát hành trái phiếu 2026 và ngày trả lãi đầu tiên là ngày tròn năm kể từ ngày phát hành trái phiếu 2026 trong năm 2020, riêng tiền lãi của kỳ thanh toán lãi thứ bảy của trái phiếu 2026 sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc trái phiếu 2026 vào ngày đáo hạn trái phiếu 2026. Trừ khi được mua lại trước hạn theo các quy định của các điều khoản và điều kiện của trái phiếu 2026, các trái phiếu 2026 sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá của trái phiếu 2026 đó vào ngày đáo hạn trái phiếu 2026.

+ 200.000 trái phiếu có kỳ hạn 08 năm; đáo hạn vào năm 2028; mệnh giá một trái phiếu là 100.000 đồng. Lãi suất áp dụng cho toàn bộ thời gian 08 (tám) năm là lãi suất thả nổi và bằng lãi suất tham chiếu + 0,9%/năm. Tiền lãi trái phiếu 2028 được trả định kỳ một năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu 2028; Nếu trái phiếu 2028 được tổ chức phát hành mua lại vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2028 thì ngày thanh toán lãi năm thứ 3 sẽ là ngày thanh toán lãi cuối cùng của trái phiếu 2028 và tiền lãi năm thứ 3 sẽ được thanh toán cùng tiền gốc trái phiếu 2028 vào ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2028; Nếu ngày thanh toán lãi trái phiếu 2028 và/hoặc ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu 2028 và/hoặc ngày đáo hạn trái phiếu 2028 khác không phải là ngày làm việc thì ngày thanh toán sẽ là ngày làm việc tiếp theo sau ngày đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5**Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,  
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty CP Cúc Phương	8.628.246.897	8.628.246.897
Công ty CP Thép Quang Tiến	19.126.152.104	19.628.981.767
Công ty CP Bê tông Hồng Hà	39.045.049.994	31.297.118.518
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng An Thanh Hải	11.206.423.597	20.626.081.590
Công ty TNHH MTV Thương mại Thanh Dung	28.504.121.618	33.436.589.399
Công ty CP Phát triển Xây dựng và Thương mại Thuận An	6.735.786.949	7.695.371.562
Công ty CP Xây dựng FAS	5.807.179.678	11.357.819.853
Công ty CP Xây dựng & Thương mại Đức Hùng	10.124.185.081	14.451.629.301
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng Thành Dương	14.731.526.230	16.842.431.900
Công ty CP Maxwell VN	22.776.032.688	11.205.920.803
Công ty CP Xây lắp điện Biwase	10.000.000.000	-
Công ty CP Tân Bình	14.430.450.240	-
Các nhà cung cấp khác	135.667.738.763	203.941.088.889
	<b><u>326.782.893.839</u></b>	<b><u>379.111.280.479</u></b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>974.344.138.583</b>	<b>851.195.643.869</b>
Khách hàng ứng trước các công trình xây lắp	965.515.408.750	842.926.267.056
Khách hàng ứng trước các dịch vụ khác	8.828.729.833	8.269.376.813
<b>Dài hạn</b>	<b>136.500.000</b>	<b>136.500.000</b>
Khu quy hoạch - Phường Phước Long B - Quận 9	136.500.000	136.500.000
	<b><u>974.480.638.583</u></b>	<b><u>851.332.143.869</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	931.166.684	638.041.134
Bảo hiểm xã hội	79.046.478	90.730.022
Phải trả các đội nhận khoán thi công các công trình xây lắp	3.928.025.220	3.765.777.067
Kinh phí bảo trì tạm thu của các căn hộ trong các dự án chung cư	3.424.495.636	2.526.868.335
Ông Nguyễn Văn Cường	10.000.000.000	10.000.000.000
Ông Phạm Thành Trung	5.000.000.000	-
Ông Trần Hồng Minh	10.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.540.495.128	11.137.187.883
	<b><u>38.903.229.146</u></b>	<b><u>28.158.604.441</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5**Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,  
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. VAY NGẮN HẠN**

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3	364.458.871.892	450.574.236.141
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn	6.682.047.916	42.342.969.240
Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Sài Gòn	10.031.209.534	20.801.250.654
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	23.665.490.397	-
	<b><u>404.837.619.739</u></b>	<b><u>513.718.456.035</u></b>

Tại ngày 13/08/2020 Công ty đã ký hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT906-SC5 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 3. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho quy định theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm thế chấp tài sản gắn liền với đất và quyền tài sản được quy định cụ thể trong các hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số TS01, TS02, TS03, TS04, TS05, TS06/2019-HĐBĐ/NHCT906-SC5 ký ngày 20/08/2019.

Tại ngày 26/11/2020 Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 441.0149/2020/HĐHM-PN/PGB.SG với Ngân hàng TMCP xăng Dầu Petrolimex – Chi nhánh Sài Gòn. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và mở L/C; lãi suất cho quy định của Ngân hàng. Hợp đồng tín dụng này không có tài sản đảm bảo.

Tại ngày 14/12/2020 Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 9378583.20 với Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh; lãi suất cho quy định của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu và quyền đòi nợ hình thành từ các hợp đồng thi công.

Tại ngày 28/04/2021 Công ty đã ký hợp đồng tín dụng số 2804 với TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh; lãi suất cho quy định của Ngân hàng. Khoản vay này là khoản vay tín chấp không có tài sản đảm bảo.

**17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả vốn hợp tác đầu tư	24.455.000.000	24.455.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.946.356.393	2.063.956.393
	<b><u>26.401.356.393</u></b>	<b><u>26.518.956.393</u></b>

**18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	30/06/2021	01/01/2021
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	14.824.050.958	15.369.908.497
	<b><u>14.824.050.958</u></b>	<b><u>15.369.908.497</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 5**Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,  
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MÃU B 09a-DN****19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ Đầu tư & Phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	149.845.500.000	20.950.000.000	(10.510.000)	73.657.688.034	103.754.476.913	348.197.154.947
Lợi nhuận	-	-	-	-	35.259.422.639	35.259.422.639
Trích quỹ KT, PL	-	-	-	-	(3.714.676.575)	(3.714.676.575)
Cổ tức	-	-	-	-	(29.966.998.000)	(29.966.998.000)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>149.845.500.000</b>	<b>20.950.000.000</b>	<b>(10.510.000)</b>	<b>73.657.688.034</b>	<b>105.332.224.977</b>	<b>349.774.903.011</b>
Lợi nhuận	-	-	-	-	17.459.171.799	17.459.171.799
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>149.845.500.000</b>	<b>20.950.000.000</b>	<b>(10.510.000)</b>	<b>73.657.688.034</b>	<b>122.791.396.776</b>	<b>367.234.074.810</b>

**Cổ phiếu**

	30/06/2021	01/01/2021
Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	14.984.550	14.984.550
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.984.550	14.984.550
Cổ phiếu phổ thông	14.984.550	14.984.550
Cổ phiếu quỹ	1.051	1.051
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.983.499	14.983.499
- Cổ phiếu phổ thông	14.983.499	14.983.499

Mệnh giá: 10.000 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5**Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,  
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***20. DOANH THU THUẬN**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	833.131.346.054	771.052.600.726
Doanh thu kinh doanh nhà	4.568.196.114	9.814.268.662
Doanh thu bán hàng hóa	58.145.211.949	5.457.313.207
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.450.716.112	14.417.378.256
	<b>904.295.470.229</b>	<b>800.741.560.851</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	796.269.415.142	736.175.544.767
Giá vốn kinh doanh nhà	2.857.090.910	9.777.438.712
Giá vốn của hàng hóa đã bán	57.377.358.160	5.375.876.780
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.874.043.328	11.300.783.009
	<b>860.377.907.540</b>	<b>762.629.643.268</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Tiền thu từ lãi tiền gửi, cho vay	2.159.820.869	2.636.045.818
Doanh thu hoạt động tài chính khác	50.985.576	168.211.214
Cổ tức được chia	608.852.096	304.539.000
	<b>2.819.658.541</b>	<b>3.108.796.032</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	15.724.817.149	18.410.712.198
Khác	-	49.814.430
	<b>15.724.817.149</b>	<b>18.460.526.628</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>21.724.418.676</b>	<b>12.905.777.790</b>
<b>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(608.852.096)</b>	<b>(304.539.000)</b>
Thu nhập từ nhận cổ tức	(608.852.096)	(304.539.000)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>21.115.566.580</b>	<b>12.601.238.790</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.223.113.316	2.520.247.758
Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	42.133.561	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.265.246.877</b>	<b>2.520.247.758</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5**Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,  
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.459.171.799	10.385.530.032
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(519.276.502)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.459.171.799	9.866.253.530
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.983.499	14.983.499
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.165</b>	<b>658</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	484.293.203.365	391.503.560.037
Chi phí nhân công	33.723.148.690	33.169.130.545
Chi phí sử dụng máy thi công	194.400.310.842	111.553.304.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài	297.381.606.497	181.000.440.959
Chi phí khác	49.027.153.256	53.267.253.141
	<b>1.058.825.422.650</b>	<b>770.493.689.248</b>

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Lương và các khoản thu nhập khác	2.188.000.000	1.982.000.000

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B 09a -DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	183.489.826.850	343.303.922.506
Phải thu khách hàng và phải thu khác	514.859.654.167	676.362.578.886
Đầu tư tài chính ngắn hạn	44.679.234.602	48.010.364.362
Đầu tư tài chính	56.018.155.110	56.018.155.110
<b>Tổng</b>	<b>799.046.870.729</b>	<b>1.123.695.020.864</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	404.837.619.739	513.718.456.035
Phải trả người bán và phải trả khác	326.782.893.839	379.111.280.479
Phải trả khác	65.304.585.539	54.677.560.834
<b>Tổng</b>	<b>796.925.099.117</b>	<b>947.507.297.348</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU B 09a -DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5**Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,  
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>30/06/2021</b>	<b>Ngắn hạn</b> VND	<b>Dài hạn</b> VND	<b>Tổng</b> VND
Phải trả người bán và phải trả khác	365.686.122.985	26.401.356.393	392.087.479.378
Các khoản vay	404.837.619.739	-	404.837.619.739
<b>Tổng</b>	<b>770.523.742.724</b>	<b>26.401.356.393</b>	<b>796.925.099.117</b>
<b>01/01/2021</b>	<b>Ngắn hạn</b> VND	<b>Dài hạn</b> VND	<b>Tổng</b> VND
Phải trả người bán và phải trả khác	407.269.884.920	26.518.956.393	433.788.841.313
Các khoản vay	513.718.456.035	-	513.718.456.035
<b>Tổng</b>	<b>920.988.340.955</b>	<b>26.518.956.393</b>	<b>947.507.297.348</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>30/06/2021</b>	<b>Ngắn hạn</b> VND	<b>Dài hạn</b> VND	<b>Tổng</b> VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	183.489.826.850	-	183.489.826.850
Phải thu khách hàng và phải thu khác	514.859.654.167	-	514.859.654.167
Đầu tư tài chính	13.018.155.110	43.000.000.000	56.018.155.110
<b>Tổng</b>	<b>711.367.636.127</b>	<b>43.000.000.000</b>	<b>754.367.636.127</b>
<b>01/01/2021</b>	<b>Ngắn hạn</b> VND	<b>Dài hạn</b> VND	<b>Tổng</b> VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	343.303.922.506	-	343.303.922.506
Phải thu khách hàng và phải thu khác	676.362.578.886	-	676.362.578.886
Đầu tư tài chính	13.018.155.110	43.000.000.000	56.018.155.110
<b>Tổng</b>	<b>1.032.684.656.502</b>	<b>43.000.000.000</b>	<b>1.075.684.656.502</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5**Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,  
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU B 09a -DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***29. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Xây lắp; Đầu tư và kinh doanh Bất động sản; Cung cấp vật tư và dịch vụ khác.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho kỳ hoạt động kết thúc tại 30/06/2021 như sau:

	<b>Xây lắp</b>	<b>Đầu tư, kinh doanh Bất động sản</b>	<b>Cung cấp vật tư và dịch vụ khác</b>	<b>Tổng</b>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	1.023.348.484	-	64.105.545.948	65.128.894.432
Các khoản phải thu	1.104.975.786.647	4.554.302.091	4.946.092.377	1.114.476.181.115
Hàng tồn kho	660.820.403.937	32.081.207.752	-	692.901.611.689
Tài sản chung	-	-	-	520.254.186.297
<b>Tổng tài sản</b>	<b><u>1.766.819.539.068</u></b>	<b><u>36.635.509.843</u></b>	<b><u>69.051.638.325</u></b>	<b><u>2.392.760.873.533</u></b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	1.385.004.319.601	136.500.000	93.356.342	1.385.234.175.943
Phải trả tiền vay	404.837.619.739	-	-	404.837.619.739
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b><u>1.789.841.939.340</u></b>	<b><u>136.500.000</u></b>	<b><u>93.356.342</u></b>	<b><u>1.790.071.795.682</u></b>

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021:

	<b>Xây lắp</b>	<b>Đầu tư, kinh doanh Bất động sản</b>	<b>Cung cấp vật tư và dịch vụ khác</b>	<b>Tổng</b>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	833.131.346.054	4.568.196.114	66.595.928.061	904.295.470.229
Kết quả kinh doanh bộ phận	36.861.930.912	1.711.105.204	5.344.526.573	43.917.562.689
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	43.917.562.689
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)	-	-	-	2.819.658.541
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	(15.724.817.149)
Thu nhập khác	-	-	-	(9.287.985.405)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	21.724.418.676
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(4.265.246.877)
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>17.459.171.799</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU XÂY DỰNG SỐ 5**Số 137 Lê Quang Định, Phường 14,  
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Mẫu B 09a -DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận cho kỳ hoạt động kết thúc tại 30/06/2020 như sau:

	<b>Xây lắp</b>	<b>Đầu tư, kinh</b>	<b>Cung cấp vật tư và</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>doanh Bất động sản</b>	<b>dịch vụ khác</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	608.931.134	-	67.677.967.274	68.286.898.408
Các khoản phải thu	979.613.064.711	6.183.710.462	5.240.995.632	991.037.770.805
Hàng tồn kho	432.079.199.428	31.395.416.544	-	463.474.615.972
Tài sản chung	-	-	-	391.472.980.320
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.412.301.195.273</b>	<b>37.579.127.006</b>	<b>72.918.962.906</b>	<b>1.914.272.265.505</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	1.176.929.432.282	27.836.500.000	174.712.429	1.204.940.644.711
Phải trả tiền vay	513.211.816.367	-	-	513.211.816.367
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.690.141.248.649</b>	<b>27.836.500.000</b>	<b>174.712.429</b>	<b>1.718.152.461.078</b>

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020:

	<b>Xây lắp</b>	<b>Đầu tư, kinh</b>	<b>Cung cấp vật tư và</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>doanh Bất động sản</b>	<b>dịch vụ khác</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	771.052.600.726	9.814.268.662	19.874.691.463	800.741.560.851
Kết quả kinh doanh bộ phận	34.877.055.959	36.829.950	3.198.031.674	38.111.917.583
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	38.111.917.583
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư (doanh thu tài chính)	-	-	-	3.108.796.032
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	(18.460.526.628)
Thu nhập khác	-	-	-	(9.854.409.197)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	12.905.777.790
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(2.520.247.758)
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.385.530.032</b>



**Tô Thị Tuyết Mai**  
Người lập  
Ngày 04 tháng 08 năm 2021



**Phan Chí Hiếu**  
Kế toán trưởng



**Phạm Văn Từ**  
Tổng Giám đốc